

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 27- 6 -2018

V/v: “Không công nhận quan  
hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Điều Thị Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng không tham gia phiên tòa.***

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 84/2018/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2018 về “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXX - ST ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** chị Vũ Thị H; sinh năm: 1979 (có mặt)

Trú tại: thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

***- Bị đơn:*** anh Nguyễn Hùng H; Sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Trú tại: thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Tại đơn khởi kiện ngày 11/01/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh H tự nguyện chung sống với nhau năm 1995, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu hai bên chung sống hạnh phúc cho đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn và

kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong vấn đề kinh tế, làm ăn. Đến năm 2014 thì chị H và anh H sống ly thân liên tục cho đến nay. Hiện nay chị H không còn tình cảm với anh H nên chị H yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Hùng H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 12/3/1996 và cháu Nguyễn Hoàng M sinh ngày 07/6/2000. Đối với cháu Nguyễn Thị Kim L và cháu Nguyễn Hoàng M đã thành niên nên không yêu cầu gì về nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Hùng H vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh H và chị H tự nguyện chung sống với nhau năm 1995, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh H và chị H sống chung với nhau đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong vấn đề kinh tế, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nghi ngờ lẫn nhau. Đến năm 2014 thì sống ly thân liên tục cho đến nay, kinh tế độc lập, mạnh ai nấy sống. Nay chị H yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh H thì anh H đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 12/3/1996 và cháu Nguyễn Hoàng M sinh ngày 07/6/2000. Đối với cháu Nguyễn Thị Kim L và cháu Nguyễn Hoàng M đã thành niên nên không yêu cầu gì về nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Các tài liệu, chứng cứ đương sự nộp:*

*Nguyên đơn nộp:*

- 02 Giấy khai sinh; sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân; biên bản tự thỏa thuận tài sản;

- Bản tự khai.

*Bị đơn không nộp tài liệu chứng cứ gì.*

- Bản tự khai.

*Các tình tiết nguyên đơn, bị đơn thống nhất:*

Đều có nguyện vọng Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; con chung đã thành niên không yêu cầu gì về nuôi dưỡng và cấp dưỡng; về tài sản chung đã tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; về nợ chung không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H tự nguyện chung sống với nhau năm 1995, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Chị H và anh H chung sống với nhau đến năm 1999 thì xảy ra mâu thuẫn, năm 2014 thì hai bên sống ly thân liên tục đến nay. Anh H và chị H chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H không hợp pháp nên không được pháp luật thừa nhận. Căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu của nguyên đơn không công nhận quan hệ vợ chồng của chị H được chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1996 và Nguyễn Hoàng M; sinh ngày 07/6/2000. Đối với cháu Nguyễn Thị Kim L và cháu Nguyễn Hoàng M đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0021836 ngày 19/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H về việc không công nhận quan hệ vợ chồng. Chị Vũ Thị H không được công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Hùng H.

[2] Về con chung: Đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0021836 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát nhân dân h.Bù Đăng;
- Chi Cục THADS h.Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu hs.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Điền Thị Hạnh**